TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định số: 62/2024/HS-TT
Ngày 10 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Thiện

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Lưu Chí H; giới tính: nam; sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú tại: số A Lô F chung cư L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký tạm trú tại: số B đường P, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 05/5/2010.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 23 giờ ngày 17/01/2010, Chi cục Hải quan sân bay T và Cục Hải quan Thành phố H tiến hành kiểm tra Lưu Chí H đi trên chuyến bay từ Hồ N đến Thành phố Hồ Chí Minh, phát hiện H mang theo trong người một số lượng lớn kim cương, nữ trang không khai báo Hải quan theo quy định, cụ thể thu giữ: 306 viên đá dạng hạt và 1 gói đá dạng hạt tấm, 10 lắc đeo tay, 02 dây đeo cổ, 01 đôi bông tai; 13 cartolo lớn và 47 cartolo nhỏ ghi bằng tiếng nước ngoài GIA Report (Giấy chứng nhận chất lượng).

Quá trình điều tra, Lưu Chí H khai nhận làm nghề buôn bán tự do nên thường sang Hồ N mua hàng về Việt Nam bán. Năm 2009, qua bạn bè giới thiệu, H có quen với một đối tượng tên L không rõ nhân thân, lai lịch. Ngày 15/01/2010, L thuê H mang một số nữ trang về Việt Nam, nếu trót lọt L sẽ trả

công cho H 500 USD. Chiều ngày 16/01/2010, L giao cho H số nữ trang nêu trên và bảo không được khai báo Hải quan vì khai báo sẽ phải đóng thuế, không có lợi nhuận, H đồng ý. Ngày 17/01/2010, khi H mang số nữ trang về đến sân bay T thì bị Hải quan kiểm tra thu giữ.

Tại Kết luận điều tra số 142-25/KLĐT-PC46(A8) ngày 10/11/2010 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có nội dung: Vào khoảng 23 giờ, ngày 17/01/2010, Đội Kiểm soát và Đội thủ tục hành lý nhập của Chi Cục Hải quan sân bay T tiến hành kiểm tra, bắt quả tang đối với Lưu Chí H và lập Biên bản ngày 18/01/2020 đối với số tang vật gồm:

- 02 gói nylon màu đen, bên trong gồm 306 viên đá, dạng hạt và 01 gói đá, dạng hạt tấm nghi là kim cương;

- 01 gói thuốc lá, bỏ trong túi áo khoác, trong đó đựng: 10 lắc đeo tay, 02 dây đeo cổ, 01 đôi bông tai kim loại màu xám bạc;

- 13 tờ giấy lớn và 47 tờ giấy nhỏ, có tiêu đề Giấy chứng nhận chất lượng (GIA he port) bằng tiếng nước ngoài.

Ngày 20/01/2010, Công ty TNHH G có phiếu kiểm định số G 19840, xác định toàn bộ số đá thu được là kim cương thiên nhiên, 10 lắc đeo tay, 02 dây đeo cổ, 01 đôi bông tai có hàm lượng vàng 57%. Giá tham khảo toàn bộ lô hàng là 7.346.000.000 đồng.

Ngày 13/4/2010, Cục Hải quan Thành phố H gửi toàn bộ 03 gói hàng là tang vật của vụ án đã được niêm phong chi tiết như sau: gói 1: AA/08-279365, AA/08-279366; gói 2: AA/08-279338, AA/08-279339; gói 3: AA/08-279367, AA/08-279368 cho vào một túi vải mang ký hiệu 04/KB/2010 gửi tại Kho bạc Nhà nước Thành phố H (Theo Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 của Kho bạc Nhà nước Thành phố H, BL 80-82).

Tại Cáo trạng số 02-05/VKS-P1 ngày 01/12/2010 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: ngày 19/4/2010, Công ty G có công văn số 164/CV-Cty kết luận:

- 63 viên kim cương có kích thước từ 2,8mm đến 3,3mm và số còn lại là kim cương tấm có tổng trọng lượng 137,84cts, tổng trị giá là 9.938.917.800 đồng;

- Số nữ trang vàng có trị giá: 174.929.664 đồng;

Tổng số kim cương và nữ trang Lưu Chí H mang vào Việt Nam không khai báo có tổng trị giá 10.113.847.466 đồng. (Số tang vật này hiện Cục Hải quan Thành phố H đã lập thủ tục gửi tại Kho bạc Nhà nước Thành phố H).

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HSST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định: Tuyên bố bị cáo Lưu Chí H phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới". Áp dụng khoản 3 Điều 154; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt Lưu Chí H 08 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 túi vải mang số 04/KB/2010. (Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 của Cục Hải quan Thành phố H giao cho Kho bạc nhà nước Thành phố H)

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị.

+ Ngày 16/6/2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HSST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần xử lý vật chứng để xét xử lại.

+ Ngày 20/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 15/QĐ-VC3-V1 về việc xác minh tình tiết mới đối với vụ án Lưu Chí H phạm tội "Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới" theo thủ tục tái thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 12/QĐ-VC3-V1 ngày 26/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HS-ST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm theo hướng hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần xử lý vật chứng để xét xử lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng tái thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên về phần xử lý vật chứng để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên về phần xử lý vật chứng "Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) túi vải mang số 04/KB/2010. (Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 của Cục H giao cho Kho bạc nhà nước T)" mà không nêu rõ tài sản trong túi vải gồm những gì là có thiếu sót, gây khó khăn trong quá trình thi hành án.

[2]. Hơn nữa, theo nội dung quyết định kháng nghị thì quá trình thi hành Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HS-ST nêu trên đã phát hiện trong giai đoạn điều tra đã làm các thủ tục sau:

Ngày 03/6/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đề nghị Cục Hải quan Thành phố H cung cấp 13 tờ giấy lớn và 47 tờ giấy nhỏ có

tiêu đề Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa mà Cục Hải quan Thành phố H đã gửi vào Kho bạc Nhà nước Thành phố H.

Ngày 29/6/2010, Cục Hải quan Thành phố H có Công văn số 1733/HQHCM-CBLXL đề nghị Kho bạc Nhà nước Thành phố H được mở niêm phong tang vật gồm 03 gói niêm phong đựng trong túi vải mang ký hiệu 04/KB/2010 theo Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 của Kho bạc Nhà nước Thành phố H (BL88).

Ngày 07/7/2010, tại Kho bạc Nhà nước TP. Hồ chí M, Chi cục Hải quan Sân bay T có sự tham gia của Điều tra viên Trần Văn M và bị cáo Lưu Chí H tiến hành mở niêm phong 01 hộp carton còn nguyên 02 niêm phong Hải quan số AA/08-279365, AA/08-279366 trong đó có 13 tờ giấy lớn và 47 tờ giấy nhỏ có tiêu đề Giấy chứng nhận chất lượng và đã giao số tang vật nêu trên cho Điều Tra V (BL 85-86).

Biên bản mở niêm phong ngày 07/7/2010 không thể hiện rõ là mở niêm phong "Một túi vải có ký hiệu 04/KB/2010" nhưng thể hiện đã mở niêm phong một hộp carton (gói 1) là một trong ba gói được cho vào "Một túi vải" có ký hiệu 04/KB/2010 ngày 13/4/2010. Như vậy, "Một túi vải có ký hiệu 04/KB/2010" theo biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 đã được mở.

Sau khi mở túi vải có ký hiệu 04/KB/2010 để lấy gói 01 thì cùng ngày, Chi cục Hải quan Sân bay T đã gửi lại Kho bạc nhà nước Thành phố H 01 gói niêm phong toàn bộ cho vào túi vải mang ký hiệu số 11/KB/2010 (theo Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 11/KB/2010 ngày 07/7/2010 của Kho bạc nhà nước Thành phố H). Nhưng trong hồ sơ vụ án, không thể hiện có Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 11/KB/2010 ngày 07/7/2010 của Kho bạc nhà nước Thành phố H. Cho nên, Bản án hình sự sơ thẩm đã không phản ánh biên bản niêm phong này. Đây là lý do Hội đồng xét xử sơ thẩm không biết việc ngày 07/7/2010, tại Kho bạc nhà nước Thành phố H, Chi cục Hải quan Sân bay T cùng với sự tham gia của Điều tra viên về việc mở niêm phong túi vải số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước Thành phố H.

[3]. Từ những nhận định như trên, Hội đồng tái thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử phần xử lý vật chứng không phản ánh tài sản trong túi vải gồm những gì và việc mở niêm phong túi vải có ký hiệu 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 nhưng chưa được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Tình tiết mới này đã làm thay đổi cơ bản nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HS-ST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (về phần xử lý vật chứng) đồng thời dẫn đến bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đến nay vẫn chưa thi hành được phần xử lý vật chứng. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng nghị tái thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 402 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 12/QĐ-VC3-V1 ngày 26/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HS-ST ngày 17/6/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần xử lý vật chứng "Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) túi vải mang số 04/KB/2010. (Biên bản nhận tài sản tạm gửi, tạm giữ số 04/KB/2010 ngày 13/4/2010 của Cục H giao cho Kho bạc nhà nước T)". Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định của Hội đồng tài thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để b/c);
- VKSNDCC tại TP . HCM;
- TAND TP . HCM ;
- VKSND TP . HCM;
- Công an TP . HCM ;
- Chi cục THADS TP . HCM ;
- Người bị kết án (theo địa chỉ);
- Lưu: P.LTHS, P.GĐKT1, HS, THS (TLQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên